

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT HẠ TẦNG ĐẠI PHONG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT HẠ TẦNG ĐẠI PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI PHONG TECHNICAL INFRASTRUCTURE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DAI PHONG TECHNICAL CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110259196

3. Ngày thành lập: 21/02/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 197/37 đường Hoàng Mai, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0935119450

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
8.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
12.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn nguyên vật liệu phục vụ ngành luyện kim	4669
16.	Cho thuê xe có động cơ	7710

17.	Bán buôn tổng hợp	4690
18.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
19.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
20.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
21.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
22.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
23.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
24.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
25.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
26.	Đúc sắt, thép	2431
27.	Đúc kim loại màu	2432
28.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
29.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
30.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
31.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
32.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất sản phẩm bằng kim loại phục vụ ngành luyện kim	2599
33.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
34.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
35.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
37.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
38.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
39.	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
40.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
43.	Bốc xếp hàng hóa	5224
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
46.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
47.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
48.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
49.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
50.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

51.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
52.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
53.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
54.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
55.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
56.	Tái chế phế liệu	3830
57.	Xây dựng nhà để ở	4101
58.	Xây dựng nhà không để ở	4102
59.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
60.	Xây dựng công trình điện	4221
61.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
62.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
63.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
64.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299(Chính)
65.	Phá dỡ	4311
66.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
67.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
68.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VIẾT VINH	Việt Nam	Khởi Quang Trung, Phường Quang Tiên, Thị xã Thái Hoà, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	1.080.000.000	60,000	040091035402	
2	NGUYỄN VIẾT DÓP	Việt Nam	Khởi Quang Trung, Phường Quang Tiên, Thị xã Thái Hoà, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	720.000.000	40,000	040056002215	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/04/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040091035402

Ngày cấp: 11/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội

Địa chỉ thường trú: Khối Quang Trung, Phường Quang Tiến, Thị xã Thái Hoà, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khối Quang Trung, Phường Quang Tiến, Thị xã Thái Hoà, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội